

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2019/DS-ST
Ngày 04-6-2019
*“V/v tranh chấp yêu cầu thực
hiện nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa.
2. Bà Nay H’Chim.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên
tòa:* Bà Đậu Thị Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2018/TLST-DS ngày 01/11/2018 về tranh chấp “yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Võ Thị C, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn K, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn K, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Ông Đặng Hồng H, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn K, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

+ Ông Lê Văn B, sinh năm 1965; Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; Tạm trú: thôn P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Thôn K, xã I, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Ông T, bà T đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 3, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Võ Thị C, bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Hồng H, ông Lê Văn B trình bày như sau:

Ngày 17/5/2017, bà Nguyễn Thị T có cho ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T mượn số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng). Thời hạn trả là tháng 12 năm 2017, nhưng đến nay ông T và bà T chưa trả tiền cho bà T. Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án, bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T trả cho bà T số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Đinh Thị T trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng vì lý do khi mượn tiền, chỉ có bà T kí vào giấy mượn tiền.

Trong năm 2017, ông T, bà T có mua phân bón của ông Lê Văn B, đến ngày 23/01/2018, giữa ông T, bà T với ông B có chốt nợ số tiền mua phân bón là 55.925.000 đồng, thời hạn thanh toán cả gốc và lãi là tháng 3/2018, nhưng đến nay ông T và bà T chưa trả tiền cho ông B, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng, kể từ ngày 24/01/2018. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay ông B yêu cầu ông T, bà T phải trả cho ông B số tiền nợ gốc là 55.925.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc, với mức lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ ngày 24/01/2018 đến ngày 04/6/2019 (được làm tròn 16 tháng) là 13.422.000 đồng. Tổng cộng là 69.347.000 đồng.

Ngày 15/6/2017 âm lịch (ngày 08/7/2017 dương lịch), ông H có cho ông T và bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn thanh toán cả gốc và lãi là ngày 15/6/2018 âm lịch, nhưng đến nay ông T và bà T chưa trả tiền cho ông H, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, kể từ ngày 09/7/2017. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu ông T, bà T phải trả cho ông H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, tính từ ngày 09/7/2017 đến ngày 04/6/2019 (được làm tròn 22 tháng) là 7.304.000 đồng. Tổng cộng là 27.304.000 đồng.

Ngày 01/11/2018, bà Võ Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T trả cho bà C số tiền nợ gốc là 66.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 01/11/2018 là 9.860.400 đồng. Quá trình tố tụng tại tòa án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L là người cùng với bà C cho bà T, ông T vay khoản tiền này cũng có yêu cầu ông T, bà T trả số tiền như đã nêu trên cho bà C và bà L. Ngày 10/5/2019, bà C có đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện; ngày 14/5/2019 bà L có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu và đề nghị không tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T mặc dù được tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để đến Tòa án làm việc nhưng ông T và bà T không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải cũng như không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa về cơ bản đã đảm bảo các quy định của pháp luật. Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án còn một số thiếu sót nhưng đã được khắc phục trước khi xét xử và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng, đề nghị Thẩm phán, Thư ký Tòa án rút kinh nghiệm trong quá trình tiến hành tố tụng các vụ án khác.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Hồng H, ông Lê Văn B. Buộc bị đơn là bà Đinh Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000 đồng; trả cho ông Lê Văn B số tiền 69.347.000 đồng, trong đó nợ gốc 55.925.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/01/2018 đến ngày 04/6/2019 (được làm tròn 16 tháng) là 13.347.000 đồng; trả cho ông Đặng Hồng H số tiền 27.304.000 đồng, trong đó nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ 09/7/2017 đến ngày 04/6/2019 (được làm tròn 22 tháng) là 7.304.000 đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn là bà Võ Thị C. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị T, Võ Thị C, ông Đặng Hồng H, ông Lê Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 01 tháng 11 năm 2018, bà Võ Thị C, bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Hồng H, ông Lê Văn B nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Cùng với đơn khởi kiện bà C, bà T, ông H và ông B đã nộp kèm các tài liệu chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện của người khởi kiện là đúng quy định; Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T đều cư trú tại thôn K, xã I, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bị đơn không có yêu cầu phản tố, do đó Tòa án Căn

cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Nguyên đơn là bà Võ Thị C, bà Nguyễn Thị T, ông Đặng Hồng H, ông Lê Văn B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với các khoản nợ đến hạn mà bị đơn không thanh toán. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 17/5/2017, bà Nguyễn Thị T có cho ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T mượn số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng). Thời hạn trả là tháng 12 năm 2017, nhưng đến nay ông T và bà T chưa trả tiền cho bà T. Khi mượn tiền, hai bên có xác lập giấy mượn tiền đề ngày 17 dương năm 2017, có chữ kí của người mượn là Đinh Thị T. Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại tòa án, bà T yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T trả cho bà T số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Đinh Thị T trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng vì lý do khi mượn tiền, chỉ có bà T kí vào giấy mượn tiền. Xét việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là bà T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà T số tiền 10.000.000 đồng.

Trong năm 2017, ông T, bà T có mua phân bón của ông Lê Văn B, đến ngày 23/01/2018, giữa ông T, bà T với ông B có chốt nợ số tiền mua phân bón là 55.925.000 đồng, thời hạn thanh toán cả gốc và lãi là tháng 3/2018, nhưng đến nay ông T và bà T chưa trả tiền cho ông B, hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1,5%/tháng, kể từ ngày 24/01/2018. Khi chốt nợ, hai bên có xác lập 01 giấy viết tay đề ngày 23/01/2018, có chữ kí người viết giấy là Đinh Thị T và Nguyễn Văn T. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay ông B yêu cầu ông T, bà T phải trả cho ông B số tiền nợ gốc là 55.925.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc, với mức lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ ngày 24/01/2018 đến ngày 04/6/2019 (được làm tròn 16 tháng) là 13.422.000 đồng. Tổng cộng là 69.347.000 đồng. Căn cứ vào các Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông T và bà T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là ông B số tiền 69.347.000 đồng, trong đó nợ gốc là 55.925.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/01/2018 đến ngày 04/6/2019 (được làm tròn 16 tháng) là 13.347.000 đồng.

Ngày 15/6/2017 âm lịch (ngày 08/7/2017 dương lịch), ông H có cho ông T và bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn thanh toán cả gốc và lãi là ngày 15/6/2018 âm lịch, nhưng đến nay ông T và bà T chưa trả tiền cho ông H, mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng, kể từ ngày 09/7/2017. Khi vay hai bên có xác lập 01 giấy mượn tiền đề ngày 15/6/2017 âm lịch, có chữ kí người viết giấy là Đinh Thị T và Nguyễn Văn T. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay ông H yêu cầu ông T, bà T phải trả cho ông H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, tính từ ngày 09/7/2017 đến ngày 04/6/2019 (được làm tròn 22 tháng) là 7.304.000 đồng. Tổng cộng là 27.304.000 đồng. Căn cứ vào các Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông T và bà T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là ông H số tiền 27.304.000 đồng, trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/7/2017 đến ngày 04/6/2019 (được làm tròn 22 tháng) là 7.304.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có yêu cầu ông T và bà T cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh đối với số nợ trên nhưng ông T và bà T không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án, nên không có cơ sở để xem xét.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn là bà Võ Thị C và yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị Thị Là.

Ngày 10/5/2019 bà Võ Thị C có đơn xin rút đơn khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị rút yêu cầu và không tham gia tố tụng trong vụ án vào ngày 14/5/2019.

Xét việc đương sự rút toàn bộ yêu cầu của mình là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn là bà Võ Thị C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị L.

[5] Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Võ Thị C, bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn B và ông Đặng Hồng H theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 275, Điều 278, Điều 280, Điều 351, Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn B và ông Đặng Hồng H.

- Buộc bị đơn là bà Đinh Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

- Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là ông Lê Văn B số tiền là 69.347.000 đồng (sáu mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 55.925.000 đồng và tiền lãi là 13.422.000 đồng;

- Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là ông Đặng Hồng H số tiền là 27.304.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm không bốn nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 7.304.000 đồng;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn là bà Võ Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L. Bà Võ Thị C và bà Nguyễn Thị L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đinh Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. *(Đối với nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T số tiền là 10.000.000 đồng).*

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.365.200 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. *(Đối với nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là ông Đặng Hồng H số tiền là 27.304.000 đồng)*

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.467.350 đồng (Ba triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. *(Đối với nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là ông Lê Văn B số tiền là 69.347.000 đồng).*

Hoàn trả 1.896.510 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm mười đồng) cho bà Võ Thị C tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng

phí, lệ phí tòa án số 0007631 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Hoàn trả 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0007632 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Hoàn trả 632.800 đồng (Sáu trăm ba mươi hai nghìn tám trăm đồng) cho ông Đặng Hồng H tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0007633 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Hoàn trả 1.586.900 đồng (một triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm đồng) cho ông Lê Văn B tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0007634 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chư Sê;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Lưu HSVA, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Tiến Sỹ